

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2022/HSST

Ngày: 24- 9- 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Đại Dương

2. Bà Phạm Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Quảng Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 140/2022/TLST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/HSST-QĐ ngày 24/8/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/HSST-QĐ ngày 15/9/2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phá A D**; Tên gọi khác: Không.

Sinh năm: 1986, tại tỉnh Đ;

Quê quán: Xã M, huyện T, tỉnh S;

Nơi ở hiện tại trước khi bị bắt: Xã M, thành phố Đ, tỉnh Đ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Không; Con ông: Phá Phá S; Con bà: Vừ Thị S (Đã chết); Vợ: Ly Thị C, con: Có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 09/4/2022, sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 18 giờ 40 phút ngày 09/4/2022, tổ công tác Công an thành phố Đ phối hợp với công an xã M, thành phố Đ, tỉnh Đ đang làm nhiệm vụ tại khu vực bản Lọng Luông 2, xã M, thành phố Đ phát hiện bị cáo Phá A D đang đi bộ trên đường, có biểu hiện nghi vấn phạm tội về ma túy. Tổ công tác yêu cầu kiểm tra, bị cáo tự giác lấy trong túi quần phía sau bên phải đang mặc ra giao nộp 02 gói nhỏ được gói ngoài bằng nilon màu hồng bên trong gói thứ nhất có các cục chất bột màu trắng, gói còn lại trong có 01 viên nén màu hồng và 01 gói nhỏ gói ngoài bằng nilon màu trắng, trong gói đó có các cục chất bột màu trắng. Bị cáo khai đó là ma túy, viên màu hồng là loại Methamphetamine, các cục chất bột màu trắng là Heroine. Nguồn gốc số ma túy nói trên là do bị cáo vừa mua của một người đàn ông dân tộc Mông, không quen biết ở ven đường bản Lọng Luông 1, xã M với giá 200.000 đồng vào buổi chiều cùng ngày. Mục đích bị cáo cất giấu toàn bộ số ma túy trên là để sử dụng. Trên đường đang đi lang thang thì bị phát hiện, bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng ngày 09/4/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ và kết luận giám định số 530/KL-KTHS ngày 17/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận: Mẫu chất bột thể rắn màu trắng đục và mẫu viên nén màu hồng thu giữ của Phá A D gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,19 gam và Methamphetamine có khối lượng 0,1 gam.

Tại bản cáo trạng số 88/CT-VKS-TPĐBP ngày 20/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo Phá A D về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38/BLHS xử phạt bị cáo Phá A D từ 12 tháng đến 15 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 0,121 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), và 0,07 gam Methamphetamine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 02 mảnh nilon màu hồng, 01 mảnh nilon màu trắng. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Phá A D không có lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo bị truy tố: Hồi 18 giờ 40 phút, ngày 09/4/2022, tại bản Lọng Luông 2, xã M, thành phố Đ, Phá A D có hành vi cất giấu trái phép 0,19 gam Heroine và 0,1 gam Methamphetamine trên người, mục đích để sử dụng.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 19 giờ 15 phút ngày 09/4/2022, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ, biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng ngày 09/4/2022, kết luận giám định số 530/KL-KTHS ngày 17/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ.

Do đó, có đủ cơ sở khẳng định, hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo, với mục đích để sử dụng là phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249/BLHS. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52/BLHS.

Về nhân thân của bị cáo: Căn cứ vào biên bản xác minh nhân thân, lai lịch và quá trình hoạt động ngày 09/6/2022 tại công an xã Ma Thị Hồ, huyện Mường Chà xác định: Bị cáo Phá A D sinh năm 1986. Từ năm 1986 đến năm 2006 sinh sống ở bản Huổi Quang 1, xã M, huyện M, tỉnh Đ, nhưng không có hộ khẩu thường trú. Từ năm 2006 Phá A D đi khỏi địa phương, do vậy trong tàng thư căn cước và cơ sở dữ liệu về dân cư của công an huyện Mường Chà không có thông tin của Phá A D. Tại biên bản xác minh ngày 10/6/2022 tại công an huyện Mường Nhé xác định: Từ năm 2006 đến năm 2015 Phá A D có sinh sống tại bản C, xã L, huyện M, tuy nhiên Phá A D không đăng ký hộ khẩu thường trú và tạm trú tại xã L, huyện M. Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Từ năm 2015 cho đến nay, bị cáo sống lang thang ở nhiều nơi, nơi bị cáo sinh sống cuối cùng là xã M, thành phố Đ. Căn cứ luật cư trú và căn cứ vào xác nhận thông tin về nơi cư trú của công an xã M xác nhận: Phá A D sinh ngày 01/01/1986, quê quán: Xã M, huyện T, tỉnh S, dân tộc Mông, tôn giáo: không, quốc tịch: Việt Nam, số định danh cá nhân: 011086003415, là có căn cứ.

Tuy nhiên, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo là hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để bị cáo có điều kiện cai nghiện, đồng thời để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

[2]. Từ những phân tích trên khẳng định: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ truy tố bị cáo Phá A D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249/BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

Bị cáo là người nghiện ma túy, bị cáo nhận thức rõ hành vi cất giấu trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, với khối lượng ma túy mà bị cáo tàng trữ là 0,19 gam Heroine và 0,1 gam Methamphetamine thì mức hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249/BLHS, thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Bị cáo khai nguồn gốc số ma túy bị thu giữ là mua của một người đàn ông dân tộc Mông, ở ven đường bản Lọng Luông 1, xã M, nhưng không biết họ tên, địa chỉ của người này, cơ quan điều tra không xác minh làm rõ được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Vật chứng: 0,121 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), và 0,07 gam Methamphetamine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), là vật nhà nước cấm tàng trữ, 02 mảnh nilon màu hồng, 01 mảnh nilon màu trắng, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[7]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Phá A D phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".
- Xử phạt bị cáo Phá A D 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (09/4/2022).

2. Vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS tịch thu tiêu hủy 0,121 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), và 0,07 gam Methamphetamine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 02 mảnh nilon màu hồng, 01 mảnh nilon màu trắng (*Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Đ*).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333/BLTTHS, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/9/2022).

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSNDTPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- Nhà tạm giữ CA TPĐBP;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- HS Thi hành án HS;
- L- u hồ sơ vụ án;
- L- u VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thúy Thành